

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 16/6/2023

“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kia;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thủy T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã C; địa chỉ P: Tổ A, phường A, T, tỉnh Gia Lai (Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Đình M và bà Lê Thị Y; cùng trú tại: Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Dương Đình L, sinh năm 1994; chị Dương Thị Mỹ L1, sinh năm 1996; cùng trú tại: Thôn A, xã T, thị xã A, Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thủy T trình bày:

Hộ gia đình ông Dương Đình M gồm có 04 người: ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1. Hộ gia đình ông M đã ủy quyền cho ông M đại diện đứng tên vay và thực hiện các giao dịch với Ngân

hàng C. Ngân hàng C đã cho hộ gia đình ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y vay tiền hai lần, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 23/11/2017, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 12.000.000đ; mục đích vay là làm giếng nước và nhà vệ sinh; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay 0,75%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn. Thời gian trả nợ được chia thành 10 kỳ, 6 tháng trả 1 lần bắt đầu vào ngày 23/5/2018 với số tiền gốc phải trả là 1.200.000đ/lần, thời hạn trả đến ngày 21/11/2021. Ngày 19/11/2021 được gia hạn nợ đến ngày 21/11/2022. Gia đình ông M, bà Y trả lãi đến ngày 12/3/2021, đã hết thời hạn vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Lần thứ hai, vào ngày 21/3/2018, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng với số tiền vay 20.000.000đ; mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi sinh sản; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 8,250%/năm; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn. Thỏa thuận phân kỳ trả gốc là 03 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng trả 6.600.000đ, số tiền gốc kỳ cuối là 6.800.000đ, hạn trả nợ ngày 21/3/2021. Gia đình ông M, bà Y đã được gia hạn hai lần và xác định thời hạn trả nợ là ngày 21/9/2022. Gia đình ông M, bà Y trả lãi đến ngày 14/02/2021, đã hết thời hạn vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông M, bà Y, anh L, chị L1 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 32.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 12/5/2023 là 6.970.748đ.

2. Bị đơn ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Đình L, chị Dương Thị Mỹ L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L, chị Dương Thị Mỹ L1 có địa chỉ tại Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp tín dụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, sổ vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, Giấy ủy quyền đại diện vay vốn, có căn cứ xác định giữa Ngân hàng C và hộ gia đình ông M, bà Y đã xác lập giao dịch vay tài sản, là hợp đồng tín dụng. Việc xác lập hợp đồng tín dụng

được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại các giấy đề nghị vay vốn chỉ ghi họ tên người vay là ông Dương Đình M, tuy nhiên theo quy định của Chính phủ thì các chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo có đối tượng vay là hộ gia đình. Hộ gia đình ông M, bà Y vào thời điểm vay có 04 người trên 18 tuổi gồm ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1. Các thành viên trong gia đình đã ủy quyền cho ông M đứng tên người vay, thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C và cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng. Do vậy ông M, bà Y, anh L, chị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thực hiện các nghĩa vụ với Ngân hàng liên quan đến các hợp đồng tín dụng mà các bên đã xác lập.

[4] Về số tiền gốc còn nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 32.000.000đ cho hai khoản vay.

Theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của mã món vay 6600000711543277, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, thì ông M đã nhận số tiền vay 12.000.000đ ngày 23/11/2017, thỏa thuận định kỳ trả gốc 06 tháng, mỗi kỳ trả 1.500.000đ, hạn trả nợ cuối cùng sau khi gia hạn là ngày 21/11/2022, gia đình ông M chưa trả nợ gốc nên số tiền gốc còn nợ là 12.000.000đ.

Theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của mã món vay 6600000712250920, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, thì ông M đã nhận số tiền vay 20.000.000đ ngày 21/3/2018, thời hạn vay là 36 tháng, thời gian trả nợ chia 3 phân kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, trả 6.600.000đ, số tiền gốc kỳ cuối là 6.800.000đ, hạn trả nợ cuối cùng sau khi được gia hạn là ngày 21/9/2022. Gia đình ông M chưa trả tiền nên số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đ.

Tổng cộng tiền nợ gốc của hai khoản vay là 32.000.000đ.

Đã hết thời hạn vay nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 32.000.000đ

[4] Về lãi suất và tiền lãi còn nợ: Theo giấy đề nghị vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, các bên có thỏa thuận việc trả lãi và mức lãi suất nên bên vay phải trả lãi như đã thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Đối với mã món vay 6600000711543277, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, các bên thỏa thuận lãi suất vay 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn là 0,975%/tháng. Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày tiếp theo của ngày trả lãi cuối cùng của bị đơn ngày 13/3/2021 đến ngày

hết hạn hợp đồng là 21/11/2022 là 619 ngày, tiền lãi là $(12.000.000đ \times 0,75\%/tháng)/30 \text{ ngày} \times 619 \text{ ngày} = 1.857.000đ$. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn hợp đồng là ngày 22/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 207 ngày, do vậy tiền lãi bị đơn phải trả là $(12.000.000đ \times 0,975\%/tháng)/30 \text{ ngày} \times 207 \text{ ngày} = 807.300đ$. Tổng cộng tiền lãi là 2.664.300đ.

Đối với mã món vay 6600000712250920, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo, các bên thỏa thuận lãi suất vay 8,250%/năm (0,6875%/tháng), lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn là 10,725%/năm (0,89375%/tháng). Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày tiếp theo của ngày trả lãi cuối cùng của bị đơn ngày 15/02/2021 đến ngày hết hạn hợp đồng là 21/9/2022 là 584 ngày, tiền lãi là $(20.000.000đ \times 0,6875\%/tháng)/30 \text{ ngày} \times 584 \text{ ngày} = 2.676.667đ$. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn hợp đồng là ngày 22/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 268 ngày, do vậy tiền lãi bị đơn phải trả là $(20.000.000đ \times 0,89375\%/tháng)/30 \text{ ngày} \times 268 \text{ ngày} = 1.596.833đ$. Tổng cộng tiền lãi là 4.273.500đ.

[5] Về án phí: Ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là $(12.000.000đ + 2.664.300đ + 20.000.000đ + 4.273.500đ) \times 5\% = 1.947.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

1. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1 phải liên đới trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã C, tỉnh Gia Lai số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng theo hai khoản vay gồm:

Đối với mã món vay 6600000711994118, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, phải trả số tiền 14.664.300 (mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và tiền lãi là 2.664.300đ (hai triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm đồng).

Đối với mã món vay 6600000713711527, vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, phải trả số tiền là 24.273.500 (hai mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm đồng). Trong đó tiền gốc là

20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.273.500đ (bốn triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1 phải liên đới trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà ông M, bà Y, anh L, chị L1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí : Ông Dương Đình M, bà Lê Thị Y, anh Dương Đình L và chị Dương Thị Mỹ L1 phải phải liên đới nộp 1.947.000đ (một triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 16/6/2023. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kia

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bùi Thị Bích Thảo